TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /2024/BC-SĐ5-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

PHẦN I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I. Báo cáo thực hiện các chỉ tiêu chính.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
I	**TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH**	**10^9đ**	**1.347,77**	**2.224,90**	**165%**
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^9đ	1.297,77	1.828,57	141%
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10^9đ	50,00	396,33	793%
II	**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**				
1	Doanh thu	10^9đ	1.501,79	2.381,50	159%
2	Lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế	10^9đ	25,90	30,82	119%
-	Lợi nhuận sau thuế	10^9đ	20,72	21,05	102%
3	Các khoản phải nộp Nhà nước	10^9đ	28,24	42,80	152%
4	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,72%	1,29%	75%
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,97%	8,10%	102%
5	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10^9đ	477,50	477,83	100%
6	Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến	%	7%	7%	100%

II. Đánh giá chung về thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2023:

1. Chỉ tiêu doanh thu, sản lượng:

Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận năm 2023 đều vượt kế hoạch, cụ thể:

- Sản lượng: 2.224,90 tỷ/KH 1.347,77 tỷ đạt tỷ lệ 165% kế hoạch.
- Doanh thu: 2.381,50 tỷ/KH 1.501,79 tỷ đạt 159% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 30,82 tỷ/KH 25,90 tỷ đạt 119% kế hoạch, trong đó:
  + *Lợi nhuận hoạt động xây lắp, vật tư, dịch vụ: 14,277 tỷ đồng;*
  + *Lợi nhuận hoạt động tài chính: 13,252 tỷ đồng;*
  + *Lợi nhuận hoạt động khác: 3,289 tỷ đồng.*
- Lợi nhuận sau thuế: 21,05 tỷ/KH 20,72 tỷ đạt 102% kế hoạch.

Đánh giá: Sản lượng và doanh thu năm 2023 đều vượt so với kế hoạch đề ra do một số nguyên nhân chính như sau:

(i) Hầu hết các dự án chuyển tiếp từ năm 2022 đều đạt kế hoạch đề ra, một số dự án vượt kế hoạch do phát sinh khối lượng theo các hợp đồng đã ký, đặc biệt là Dự án Hòa Phát (Giá trị phát sinh khối lượng theo các hợp đồng đã ký đạt 536,57 tỷ/KH 42,45 tỷ tăng 494,12 tỷ), dự án Hồ chứa nước Sông Chò (133%).

(ii) Ngoài ra, Trong năm 2023 với uy tín và thương hiệu của Sông Đà 5 với Chủ đầu tư, Công ty tiếp tục được Chủ đầu tư giao thêm một số gói thầu giai đoạn 2 Dự án thép Hòa Phát với tổng giá trị 51,64 tỷ.

2. Mục tiêu các mốc tiến độ chính các dự án:

2.1. Dự án Thủy điện NamPhak – CHDCND Lào:

a. Công tác thiết kế: Cơ bản đáp ứng tiến độ thi công tại hiện trường.

b. Công trình phụ trợ: Hoàn thành toàn bộ công tác phụ trợ.

c. Thi công công trình chính: Các hạng mục đảm bảo đáp ứng tiến độ cam kết với CĐT, cụ thể như sau:

- Phần hầm:

+ Hầm dẫn dòng Phoupong: Hoàn thành công tác đào và gia cố hầm. Hoàn thành bê tông áo hầm (từ buồng van đến cửa vào), tiếp tục thi công bê tông tường buồng van và bê tông tường cửa ra.

+ Hầm dẫn nước NamPha: Hoàn thành công tác đào, gia cố và hoàn thành công tác bê tông áo hầm đoạn chưa có ống thép.

+ Hầm dẫn nước NamPhak: Hoàn thành công tác đào và gia cố hầm NamPhak. Thi công đổ bê tông lót nền hầm.

+ Hầm dẫn nước cụm phía Bắc/Nam: Tiếp tục công đào đào và gia cố các các tuyến hầm Cửa vào và cửa ra Makko, cửa vào và cửa ra Bangliang 2, Cửa vào Bangliang 5, cửa vào và cửa ra Bangliang 6.

- Phần hở:

+ Đập Phoupong: Thi công đào và gia hố móng đập và đê quây, thi công bê tông phản áp, khoan phun gia cố và chống thấm. Triển khai công tác đào và gia cố cửa hầm tràn vai trái.

+ Đập Nam Pha: Thi công đào hố móng đập, bê tông phản áp, khoan phun gia cố và chống thấm thử nghiệm.

+ Nhà máy Nam pha, Hố xói: Thi công đào nhà máy Nam Pha và Hố xói.

+ Nhà máy Namphak : Hoàn thành công tác đào và gia cố hố móng.

+ Đường ống áp lực : Thi công đào và gia cố hố móng các mố néo, mố đỡ.

+ Cụm Bắc/Nam: Hoàn thành công tác đào và gia cố mái cửa vào và cửa ra Makko, Cửa vào và cửa ra Bangliang 2, Cửa vào và cửa ra Bangliang 5, Cửa vào và cửa ra Bang 6, Cửa vào và cửa ra Maknao.

- Phần cơ khí thủy công:

+ Giếng van: Gia công chế tạo khe van cửa van sửa chữa và van vận hành (12,25 tấn); thi công lắp đặt chi tiết đặt sẵn (0,45 tấn).

+ Đường ống thép lót trong hầm: Gia công (37 tấn).

2.2. Dự án Nhà Máy thép Hòa Phát - Dung Quất: Các gói thầu thi công đáp ứng tiến độ theo hợp đồng với Chủ đầu tư cụ thể:

- Hoàn thành 04 gói thầu và bàn giao cho Chủ đầu tư, đang thực hiện quyết toán hợp đồng (gói Đông Lỗ 2, gói Khu Hành chính, gói Phá đá xử lý mái taluy, gói Vận chuyển vật liệu dư thừa).

- Gói Đông Lỗ 3 và gói điều chỉnh tuyến ống DN800 và DN900: Đang thực hiện theo mặt bằng Chủ đầu tư bàn giao thêm.

- Gói thầu xây dựng kho 2#, 3# nhà máy nguyên liệu: Triển khai thi công lại từ tháng 7/2023. Đã hoàn thành móng tường ngăn, móng dầm ray trục C, nền trục C. Đang thi công tường giữa; tường cánh én; dầm ray, nền trục A,E; tường giữa cột sàn chữ T; móng nhà vòm.

- Gói thầu khoan nổ mìn, phá đá dưới nước bến 6: Triển khai thi công từ tháng 6/2023 đã hoàn thành thi công và hoàn thành quyết toán gói thầu.

- Gói thầu khoan nổ mìn khu vực đậu tàu bến 3, bến 4: Bắt đầu thi công từ đầu tháng 10/2023, đã hoàn thành toàn bộ gói thầu và đang thực hiện công tác quyết toán.

2.3. Dự án hồ chứa nước Sông Chò 1 tỉnh Khánh Hòa: Đã hoàn thành cơ bản phần việc của Sông Đà 5 chỉ còn phần gia cố hố xói, nút cống dẫn dòng và lắp đặt, hoàn thiện thiết bị quan trắc đang chờ CĐT phê duyệt thiết kế và bàn giao mặt bằng để tiếp tục thực hiện. Riêng công tác nút cống dẫn dòng liên quan đến tiến độ phần hầm của nhà thầu khác trong liên danh và công tác đền bù giải phóng mặt bằng của Chủ đầu tư dự kiến sẽ hoàn thành cuối năm 2024.

2.4. Dự án Thủy điện Nậm E – Moun – CHDCND Lào: Trong năm 2023 dự án đã hoàn thành thi công xây lắp các hạng mục công trình chính, được Tư vấn cấp toàn bộ chứng chỉ bàn giao 9/9 hạng mục. Mục tiêu hoàn thành nghiệm thu, vận hành, bàn giao toàn bộ công trình cho Chủ đầu tư và giải thể công trường trong tháng 6/2024.

3. Công tác quản lý điều hành:

3.1. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

Công ty đã xây dựng Đề án Cơ cấu lại Công ty Cổ phần Sông Đà 5 giai đoạn 2023 - 2027, định hướng đến 2035 nhằm tiếp tục đổi mới nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành SXKD của Công ty, trong đó bổ sung định hướng chiến lược (ngành nghề kinh doanh) và điều chỉnh cơ cấu tổ chức để phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế Công ty sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/6/2023 và đã được biểu quyết thông qua Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 12/10/2023, cụ thể:

- Sáp nhập, đổi tên một số phòng/ban chức năng mới dựa trên chức năng, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như các phòng: Kế hoạch chiến lược; Kinh tế nội bộ, Quản trị rủi ro,... HĐQT Công ty đã phê duyệt quyết định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tất cả các phòng ban Công ty.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế của Công ty;

- Thông qua Nghị quyết bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty đặc biệt là lĩnh vực đường dây truyền tải và trạm biến áp, Công ty đã nỗ lực thực hiện tìm kiếm các dự án và đã trúng thầu gói thầu đường dây 500KV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu (Ký hợp đồng tháng 1/2024 và bắt đầu triển khai từ tháng 2/2024).

3.2. Công tác thu hồi giá trị dở dang và công nợ: Công ty đã tích cực thực hiện các giải pháp để giảm tối đa giá trị sản lượng dở dang, công nợ tại các dự án. Giá trị dở dang 31/12/2023 là 303,55 tỷ (giảm 156,6 tỷ so với dở dang tại thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Đối với các dự án đang thi công: Tập trung nhân lực rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn dứt điểm đối với phần khối lượng dở dang.

- Đối với các dự án chỉ định thầu đã kết thúc thi công:

+ Phối hợp với Tổng công ty hoàn thành quyết toán công trình Nhà Quốc Hội, dự án Thủy điện Hủa Na.

+ Đối với các dự án còn lại (Dự án Sơn La, Dự án Tuyên Quang, Bản Vẽ) đã hoàn thành thống nhất giá trị quyết toán với nghiệp vụ Tổng công ty, dự kiến sẽ hoàn thành quyết toán các dự án trên trong quý II/2024.

- Đối với các dự án đấu thầu đã kết thúc thi công:

+ Hoàn thành toàn bộ công tác quyết toán dự án Nhà máy bột giấy (VNT19) trong quý IV/2023.

+ Dự án Thủy điện Bắc Mê: Đã tổ chức cuộc họp giữa lãnh đạo cấp cao hai bên. Đang triển khai công tác quyết toán, thực hiện cung cấp và giải trình hồ sơ theo yêu cầu của CĐT. Mặt khác, Công ty đã chuẩn bị các hồ sơ pháp lý cần thiết để thực hiện khởi kiện ra tòa đòi công nợ đối với CĐT dự án Thủy điện Bắc Mê.

3.3. Công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm:

Mặc dù công tác tiếp thị đấu thầu, cạnh tranh tìm kiếm việc làm năm 2023 hết sức khó khăn. Thị trường xây dựng thủy điện lớn trong nước với các Chủ đầu tư truyền thống đã kết thúc, còn lại là các dự án thủy điện vừa và nhỏ thuộc sở hữu của các Chủ đầu tư là đơn vị Tư nhân với mục tiêu tiết kiệm tối đa chi phí, không yêu cầu cao về kỹ thuật, mỹ thuật công trình. Tuy nhiên với sự nỗ lực điều hành đi sâu bám sát của Ban lãnh đạo Công ty đơn vị đã thắng thầu 04 hợp đồng với tổng giá trị là 669,29 tỷ gồm có:

TT	Tên dự án	ĐVT	Giá trị hợp đồng (Sau thuế)	Ghi chú
1	Gói thầu khoan nổ mìn, phá đá dưới nước - Phạm vi luồng, vũng quay bến 6 cảng tổng hợp - Dự án thép Hòa Phát Dung Quất	đồng	34.144.000.000	
2	Gói thầu thi công khoan nổ mìn khu vực đậu tàu bến 3, bến 4 - Cảng chuyên dụng - Dự án thép Hòa Phát Dung Quất	đồng	17.496.000.000	
3	Hạng mục đập tràn PhouPong, đập tràn NamPhak - Dự án Thủy điện NamPhak	đồng	606.917.819.200	
4	Dự án thủy điện Nam Ang	Đồng	10.731.979.235	
	TỔNG CỘNG		**669.289.798.435**	

PHẦN II
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

I. Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch năm 2024:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
I	**TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH**	**10^9đ**	**1.805,00**	
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^9đ	1.755,00	
2	Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác	10^9đ	50,00	
II	**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**			
1	Doanh thu	10^9đ	1.776,45	
2	Lợi nhuận			
-	Lợi nhuận trước thuế	10^9đ	28,00	
-	Lợi nhuận sau thuế	10^9đ	22,40	
3	Các khoản phải nộp Nhà nước	10^9đ	30,07	
4	Tỷ suất lợi nhuận			
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,58%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8,62%	
5	Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ	10^9đ	479,18	
6	Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến	%	8%	

2. Mục tiêu tiến độ năm 2024:

2.1. Dự án Thủy điện NamPhak – CHDCND Lào:

a. Công tác thiết kế: Công tác thiết kế đảm bảo tiến độ thi công tại hiện trường.

b. Mục tiêu thi công công trình chính:

- Phần hầm:

+ Hầm dẫn dòng Phou Pong: Hoàn thành các hạng mục bê tông kết cấu hầm và dẫn dòng qua hầm.

+ Hầm tràn Phou Pong: Hoàn thành công tác đào và gia cố tuyến hầm. Thi công bê tông kết cấu hầm.

+ Tuyến năng lượng Nam Pha: Hoàn thành bê tông cửa nhận nước, bê tông giếng van, bê tông áo hầm Nam Pha. Tiến hành dẫn dòng qua hầm.

+ Hầm dẫn nước Nam Phak: Thi công đổ bê tông kết cấu áo hầm.

+ Hầm dẫn nước cụm phía Bắc/Nam: Hoàn thành công tác đào và gia cố tuyến hầm Makko, tuyến hầm Bangliang 2, tuyến hầm Bangliang 5, tuyến hầm, Bangliang 6, tuyến hầm Maknao, tuyến hầm Sakla 6.

- Phần hở:

+ Đập Phou Pong: Hoàn thành công tác đào hố móng và gia cố mái đập; Hoàn thành công tác đào và đắp đê quây Phou Pong, Hoàn thành bê tông cửa nhận nước , bê tông phản áp, khoan phun chống thấm. Tiến hành công tác đắp đập.

+ Đập Nam Pha: Hoàn thành công tác đào và gia cố hố móng đập, Hoàn thành công tác bê tông phản áp, khoan phun chống thấm, bê tông tường Dwall, Tiến hành công tác đắp đập.

+ Đập Nam Phak : Hoàn thành công tác đào và gia cố hố móng phần trên mực nước, Thi công bê tông phản áp, khoan phun chống thấm và tường Dwall. Thi công bê tông đập tràn.

+ Nhà máy Nam Pha và Hố xói: Hoàn thành thi công bê tông hố xói. Thi công bê tông nhà máy Nam Pha.

+ Nhà máy Nam Phak : Thi công bê tông nhà máy đến CĐ 243.65m. Thi công đào và gia cố kênh xả nhà máy.

+ Đường ống áp lực : Hoàn thành công tác đào và gia cố hố móng. Hoàn thành bê tông mố đỡ và mố néo giai đoạn 1. Thi công bê tông mố néo giai đoạn 2.

+ Cửa vào Nam Phak: Thi công bê tông cửa nhận nước.

+ Cụm Bắc/Nam: Hoàn thành đào và gia cố mái tất cả các cửa hầm cụm phía Bắc và phía Nam. Thi công đắp đê quây theo tiến độ.

- Phần cơ khí thủy công:

+ Tuyến năng lượng Nam Pha: Hoàn thành lắp đặt các thiết bị cơ khí thủy công tại cửa nhận nước, giếng van, hầm Nam Pha, hạ lưu cửa ra Nam Pha, khu vực kết nối giữa cửa ra đến hố xói và từ chạc 3 đến nhà máy Nam Pha.

+ Hầm dẫn dòng Phou Pong: Hoàn thành lắp đặt khe van, ngưỡng van cửa nhận nước.

+ Đường ống áp lực: Thi công lắp đặt đường ống áp lực hở.

2.2. Dự án Nhà máy thép Hòa Phát – Dung Quất:

- Quyết toán các gói thầu đã hoàn thành trong năm 2023;

- Tiếp tục thi công gói thầu 04.02 xây dựng kho 2#, 3# nhà máy nguyên liệu đảm bảo mốc tiến độ: Hoàn thành thi công tường giữa và chữ T; thi công tường cánh én, móng dầm ray, móng ray, móng nhà vòm; Tiếp tục thi công phần tường cánh và công tác hoàn thiện.

2.3. Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1 - Khánh Hòa: Trong tháng 3/2024 Chủ đầu tư đã có phê duyệt thiết kế cho các hạng mục còn lại, do vậy dự án đã triển khai thi công trở lại từ tháng 4/2024 dự kiến sẽ hoàn thành các công việc của hợp đồng trong quý III/2024. Riêng công tác nút cống dẫn dòng liên quan đến tiến độ phần hầm của nhà thầu khác trong liên danh và công tác đền bù giải phóng mặt bằng của Chủ đầu tư dự kiến sẽ hoàn thành cuối năm 2024.

2.4. Dự án Thủy điện Nâm E – Moun - CHDCND Lào: Nghiệm thu, vận hành, bàn giao chạy thử tổng thể và giải thể công trường trong tháng 6/2024

2.5. Dự án đường dây 500KV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu: Dự án gồm 05 gói thầu (13, 14, 17, 18 và 27) với tổng giá trị 297,68 tỷ thi công đào đúc, dựng cột và kéo dây 64 vị trí. Đây là công trình trọng điểm Quốc gia với tiến độ thi công rất cấp bách (trong 6 tháng) bắt đầu thi công từ tháng 1/2024, dự kiến hoàn thành bàn giao toàn bộ các gói thầu cho Chủ đầu tư trong tháng 7/2024.

2.6. Dự án Thủy điện Nam Ang - Khảo sát địa kỹ thuật giai đoạn 2-1 tại Lào: Dự án bắt đầu khởi công từ tháng 2/2024 với tổng giá trị hợp đồng 445.310 USD (tương ứng 10,68 tỷ), thi công khoan khảo sát địa kỹ thuật giai đoạn 2-1 phục vụ nghiên cứu khả thi lại của dự án, dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ dự án và bàn giao cho Chủ đầu tư trong tháng 6/2024.

3. Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

3.1. Kế hoạch tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm năm 2024: Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm với mục tiêu kế hoạch sản lượng cho các năm tiếp. Cụ thể giải pháp:

- Đối với thị trường trong nước: Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm với mục tiêu kế hoạch sản lượng cho năm 2024 và các năm tiếp theo. Tiếp tục tìm kiếm, tham gia thi công xây dựng các hạng mục, công trình, dự án là thế mạnh của Sông Đà 5 như xây dựng thủy điện. Phối hợp cùng TCT Sông Đà và liên danh cùng các đối tác có năng lực để tham gia dự án Thủy điện Bắc Ái; Tiếp cận, mở rộng lĩnh vực thi công các công trình giao thông, hạ tầng, xây dựng dân dụng, đường dây truyền tải và trạm biến áp.

- Đối với thị trường Quốc tế:

+ Thị Trường Lào: Tiếp tục thực hiện thu thập, nghiên cứu, thông tin thị trường xây dựng thủy điện tại Lào (Dự án Thủy điện Nam Ang, dự án thủy điện Xêkong 4A&4B, dự án Thủy điện Xekaman 4 tham gia cùng TCT)

+ Thị trường các quốc gia khu vực Đông Nam á: Tiếp tục cập nhật thông tin dự án, tìm kiếm phương án liên danh liên kết với các nhà thầu quốc tế khác (nếu phù hợp) để đấu thầu tìm kiếm việc làm các dự án phù hợp với năng lực của đơn vị.

3.2. Công tác thu hồi giá trị dở dang và công nợ: Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán để thu hồi vốn, giảm thiểu giá trị dở dang. Cụ thể:

- Đối với các dự án chỉ định thầu đã kết thúc thi công: Tập trung nguồn lực làm việc với Ban điều hành, Chủ đầu tư để quyết toán các hạng mục đã đủ điều kiện (Thủy điện Xekaman3, Thủy điện Bắc Mê). Đối với công trình Thủy điện Bắc Mê, chuẩn bị các hồ sơ pháp lý và thủ tục cần thiết để triển khai các thủ tục pháp lý tiếp theo.

- Đối với các dự án đang thi công: Tập trung nhân lực rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn dứt điểm đối với phần khối lượng dở dang.

- *Kế hoạch thu vốn và công nợ năm 2024, Trong đó:*

+ Giá trị thu vốn : 1.776 tỷ đồng.

+ Giá trị thu hồi công nợ : 1.773 tỷ đồng.

3.3. Công tác quản lý chi phí:

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định trong công tác giao khoán, quản lý chi phí phù hợp với mô hình quản lý dự án và yêu cầu thực tế tại đơn vị; Ban hành bổ sung kịp thời các bộ định mức, đơn giá giao khoán đối với các công việc phát sinh.

- Phối hợp với công tác quản lý vật tư, thiết bị tìm kiếm cập nhật các nhà cung cấp để được giá cạnh tranh nhất, mở rộng thị trường mua sắm vật tư thiết bị thi công sang thị trường Thái Lan, Lào để giảm thiểu chi phí vận chuyển

- Thực hiện kịp thời công tác quyết toán nhân công, vật tư, nhiên liệu.

- Tìm kiếm các đối tác cho thuê các thiết bị máy móc chưa có nhu cầu sử dụng để bù đắp lại chi phí khấu hao.

- Thành lập các tổ công tác kiểm tra, hướng dẫn các công trường dự án trong công tác quản lý vật tư xe máy thiết bị, hạch toán chi phí và thực hiện quy chế quản nội bộ.

- Tiếp tục công tác phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ (quý, năm) và khi kết thúc dự án; công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định giao khoán, quyết toán giao khoán nhằm khắc phục những tồn tại trong quản lý.

3.4. Công tác tài chính kế toán:

- Tiếp tục thực hiện cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các Tổ chức tín dụng mới để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho từng dự án, công trường để đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác.

- Tham gia công tác thẩm định năng lực tài chính nguồn vốn của Chủ đầu tư các dự án Công ty tham gia đấu thầu để đảm bảo nguồn vốn thanh toán của Dự án khi thi công.

- Tập trung thu hồi vốn và công nợ các công trình đồng thời đôn đốc thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân đã đến hạn. Xây dựng kế hoạch và biện pháp để thu hồi công nợ khó đòi, kéo dài đã nhiều năm.

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty Sông Đà để thu hồi công nợ các dự án do TCT làm tổng thầu.

- Công tác kiểm toán, minh bạch tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm toán, công bố thông tin đại chúng.

- Tăng cường việc hỗ trợ công tác hạch toán kế toán tại các công trình dự án.

3.5. Công tác quản lý khối lượng, tiến độ, an toàn:

- Tăng cường công tác quản lý khối lượng, tiến độ, đặc biệt công tác nghiệm thu, thu vốn tại các dự án.

- Phê duyệt kịp thời yêu cầu vật tư chính cho các dự án đảm bảo tiến độ thi công.

- Thiết kế và phê duyệt kịp thời biện pháp thi công chủ đạo làm cơ sở cho các công trường dự án triển khai thi công.

- Triển khai tổ chức thi công đảm bảo mục tiêu khối lượng, tiến độ của hợp đồng.

- Tăng cường công tác giám sát an toàn, tổ chức huấn luyện an toàn thường xuyên cho người lao động nhằm giảm thiểu tối đa mất an toàn có thể xảy ra.

- Quản lý công tác thiết kế đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả tại các dự án Sông Đà 5 làm tổng thầu thiết kế, thi công.

- Xây dựng củng cố đội ngũ quản lý an toàn đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3.6. Công tác quản lý sử dụng vật tư, thiết bị:

- Xây dựng kế hoạch mua sắm và sử dụng vật tư đảm bảo cung cấp kịp thời, sử dụng tiết kiệm hiệu quả các loại vật tư.

- Cân đối đảm bảo xe máy thiết bị đáp ứng yêu cầu cho các dự án; thực hiện đấu thầu chào giá cạnh tranh lựa chọn nhà cung cấp cho thuê thiết bị.

- Thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhằm đảm bảo công suất làm việc và nâng cao hiệu quả sử dụng máy.

3.7. Công tác quản lý nhân lực:

- Cân đối nhu cầu nhân lực hiện có các công trường để thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu lao động đối với từng công trình, dự án.

- Liên hệ làm việc với các trường dạy nghề, các Trung tâm giới thiệu việc làm để ký kết các hợp đồng đào tạo, tuyển dụng đảm bảo cung cấp lao động trực tiếp cho các dự án.

- Thực hiện tuyển dụng, đào tạo nhân sự mới phù hợp với định hướng phát triển của Công ty (đặc biệt là nhân sự chuẩn bị cho công tác đầu tư dự án thủy điện $\leq$100Mw).

- Tiếp tục quy hoạch đội ngũ Giám đốc dự án, kỹ sư trực tiếp theo mô hình quản lý dự án của công ty cũng như yêu cầu thực tế của công việc (Đặc biệt đối với lĩnh vực xây dựng công trình hầm; dân dụng và xây dựng giao thông).

3.8. Công tác quản trị rủi ro:

- Ban hành các quy trình kiểm soát rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Định kỳ hàng quý thành lập đoàn kiểm tra nội bộ làm việc tại các dự án để phân tích đánh giá, đưa ra những cảnh báo về những nguy cơ, rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các giải pháp để kiểm soát rủi ro.

3.9. Công tác đầu tư:

- Đầu tư nâng cao xe máy thiết bị phục vụ thi công nhằm đáp ứng yêu cầu đối với từng dự án.

- Nghiên cứu phương án, xem xét tham gia đầu tư các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Sông Đà 5 như Thủy điện quy mô $\leq$ 100MW.

(Chi tiết số liệu theo các phụ lục đính kèm)

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Sông đà 5. Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Công ty (Báo cáo)
- Tổ NĐDPV TCT tại SĐ5;
- Lưu KTKHĐT, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100886657 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5 Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Lê Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

PL01: BÁO CÁO THỰC HIỆN SXKD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Thực hiện	Tỷ lệ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)	(8)
A	**TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH**	**10^9đ**	**1.347,77**	**2.224,90**	**165%**	**1.805,00**	
1	**Giá trị kinh doanh xây lắp**	**10^9đ**	**1.297,77**	**1.828,57**	**141%**	**1.755,00**	
-	Công trình chuyển tiếp đã có hợp đồng	10^9đ	1.275,67	1.732,06	136%	1.352,30	
-	Các dự án đã ký được hợp đồng trong năm	10^9đ	22,10	96,51	437%	297,69	
-	Các dự án trong kế hoạch tiếp thị năm 2024	10^9đ				105,01	
2	**Kinh doanh vật tư, CCDV và hoạt động khác**	**10^9đ**	**50,00**	**396,33**	**793%**	**50,00**	
B	**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**						
I	**Doanh số bán hàng (1+2)**	**10^9đ**	**1.537,54**	**2.472,23**	**161%**	**1.820,22**	
1	Doanh thu	10^9đ	1.501,79	2.381,50	159%	1.776,45	
2	Thuế GTGT đầu ra	10^9đ	35,75	90,72	254%	43,77	
II	**Lợi nhuận**						
1	Lợi nhuận trước thuế	10^9đ	25,90	30,82	119%	28,00	
2	Lợi nhuận sau thuế	10^9đ	20,72	21,05	102%	22,40	
3	Tỷ suất lợi nhuận						
-	Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,72%	1,29%	75%	1,58%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,97%	8,10%	102%	8,62%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,34%	4,41%	102%	4,67%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	1,77%	1,29%	73%	1,36%	
4	Tỷ lệ lãi cổ tức dự kiến	%	7%	7%	100%	8%	
III	**Các khoản nộp Nhà nước**						
1	**Các khoản phải nộp Nhà nước (a+b)**	**10^9đ**	**28,24**	**42,80**	**152%**	**30,07**	
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10^9đ	12,74	27,95	219%	14,57	
-	Thuế GTGT phải nộp	10^9đ	4,06	15,23	375%	5,46	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10^9đ	5,18	10,16	196%	5,60	
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10^9đ	0,50	0,02	4%	0,50	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10^9đ	3,00	2,54	85%	3,00	
-	Thuế khác	10^9đ	0,003	0,003	100%	0,003	
b	Các khoản phải nộp khác	10^9đ	15,50	14,85	96%	15,50	
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	10^9đ	15,50	14,85	96%	15,50	
2	**Các khoản đã nộp Nhà nước**	**10^9đ**	**28,24**	**38,13**	**135%**	**30,07**	
a	Các khoản nộp Ngân sách	10^9đ	12,74	23,28	183%	14,57	
-	Thuế GTGT	10^9đ	4,06	15,23	375%	5,46	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10^9đ	5,18	5,60	108%	5,60	
-	Thuế xuất, nhập khẩu	10^9đ	0,50	0,02	4%	0,50	
-	Thuế thu nhập cá nhân	10^9đ	3,00	2,43	81%	3,00	
-	Thuế khác	10^9đ	0,003	0,003	100%	0,003	
b	Các khoản phải nộp khác	10^9đ	15,50	14,85	96%	15,50	
-	Bảo hiểm xã hội, BHYT	10^9đ	15,50	14,85	96%	15,50	
IV	Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ						

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Năm 2023		Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
				Thực hiện	Tỷ lệ		
1	Nguyên giá TSCĐ bq cần trích KH	10^9đ	191,82	177,10	92%	179,16	
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10^9đ	33,21	29,59	89%	33,08	
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ	%	17,31%	16,71%	97%	18,46%	
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10^9đ	1.172,55	1.172,55	100%	1.156,05	
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10^9đ	1.168,23	1.156,05	99%	1.105,40	
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10^9đ	91,01	78,00	86%	64,75	
V	**Nguồn vốn vay tại thời điểm cuối kỳ**	**10^9đ**	**493,50**	**83,03**	**17%**	**381,25**	
1	Vay ngắn hạn	10^9đ	450,00	52,98	12%	350,00	
2	Vay trung và dài hạn	10^9đ	43,50	30,04	69%	31,25	
VI	**Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ**	**10^9đ**	**477,50**	**477,83**	**100%**	**479,18**	
1	Vốn điều lệ	10^9đ	259,99	259,99	100%	259,99	
-	Trong đó: Vốn nhà nước	10^9đ	166,82	166,82	100%	166,82	
2	Quỹ đầu tư phát triển	10^9đ	143,06	143,06	100%	143,06	
3	Thặng dư vốn cổ phần	10^9đ	43,13	43,13	100%	43,13	
4	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10^9đ					
5	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10^9đ	10,60	10,60	100%	10,60	
6	Lợi nhuận chưa phân phối	10^9đ	20,72	21,05	102%	22,40	
VII	**Tổng tài sản cuối kỳ**	**10^9đ**	**1.700,66**	**1.495,15**	**88%**	**1.799,39**	
VIII	**Nợ phải trả cuối kỳ**	**10^9đ**	**1.223,16**	**1.017,31**	**83%**	**1.320,22**	
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	4,70	3,91	83%	5,08	
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2,56	2,13	83%	2,76	
C	**KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TÁC CHÍNH**						
1	**Phần đào đắp**						
-	Tổng khối lượng đào đất	m3	1.634.250	2.375.993	145%	1.159.275	
-	Tổng khối lượng đào đá	m3	1.405.412	2.234.839	159%	612.860	
2	**Phần xây lắp**						
-	Tổng khối lượng bê tông	m3	71.234	138.273	194%	96.673	
-	Tổng khối lượng cốt thép	tấn	1.763	9.791	555%	10.298	
D	**GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ**	**10^9đ**	**25,00**	**9,32**	**37%**	**40,00**	
1	Thuê mua tài chính xe máy, thiết bị phục vụ thi công	10^9đ	25,00	9,32	37%	20,57	
2	Chi phí phát triển dự án	10^9đ				19,43	

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

P. KINH TẾ - KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ	P. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Sung	Nguyễn Trọng Thuỷ	Nguyễn Đắc Điệp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

PL 02: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2024

TT	Tên công trình và công việc	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**TỔNG GIÁ TRỊ SXKD**	**10^6 đ**	**1.805.000**	
I	**Giá trị sản xuất xây lắp**	**10^6 đ**	**1.755.000**	
1	Công trình chuyển tiếp từ năm 2023	10^6 đ	1.352.300	
2	Các dự án đã ký được hợp đồng năm 2024	10^6 đ	297.686	
3	Các dự án trong kế hoạch tiếp thị năm 2024	10^6 đ	105.014	
II	**Kinh doanh vật tư và cung cấp dịch vụ**	**10^6 đ**	**50.000**	
B	**Chi tiết các công trình**	-		
I	**Công trình chuyển tiếp từ năm 2023**	**10^6 đ**	**1.352.300**	
1	Dự án Thủy điện NamPhak	10^6 đ	1.216.327	
2	Dự án Nhà máy thép Hòa Phát - GĐ2	10^6 đ	113.301	
3	Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1	10^6 đ	17.025	
4	Dự án Thủy điện Nam Sam 3	10^6 đ	254	
5	Dự án Thủy điện Nam Ang - Khảo sát địa kỹ thuật giai đoạn 2-1	10^6 đ	10.687	
6	Các dự án đã kết thúc dự kiến bị giảm trừ quyết toán	10^6 đ	-5.294	
II	**Các dự án đã ký được hợp đồng năm 2024**	**10^6 đ**	**297.686**	
1	Dự án đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	10^6 đ	297.686	
III	**Các dự án trong kế hoạch tiếp thị năm 2024**	**10^6 đ**	**105.014**	

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

P. KINH TẾ - KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Trần Văn Sùng

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100886857 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5 Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đắc Điệp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

PL 03: CHI TIẾT CÔNG TRÌNH VÀ CÔNG VIỆC KẾ HOẠCH NĂM 2024

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
*	**TỔNG CỘNG:**			
1	**Giá trị sản lượng (1.1+1.2)**	**10^6đ**	**1.805.000**	
1.1	**Giá trị sản xuất xây lắp**	**10^6đ**	**1.755.000**	
-	Công trình chuyển tiếp từ năm 2023	10^6đ	1.352.300	
-	Các dự án đã ký được hợp đồng năm 2024	10^6đ	297.686	
-	Các dự án trong kế hoạch tiếp thị năm 2024	10^6đ	105.014	
1.2	**Kinh doanh vật tư và cung cấp dịch vụ**	**10^6đ**	**50.000**	
2	**Khối lượng thi công chính**			
2.1	**Phần đào đắp**			
-	Khối lượng đào đất	m3	1.159.275	
-	Khối lượng đào đá	m3	612.860	
2.2	**Phần xây lắp**			
-	Khối lượng bê tông CVC	m3	96.673	
-	Khối lượng thép kết cấu	Tấn	10.298	
-	Đào và gia cố hầm	md	2.212	
A	**Phần sản xuất xây lắp**		**1.649.986**	
I	**Các công trình chuyển tiếp năm 2023**	**10^6đ**	**1.352.300**	
1	Dự án Thủy điện Nam Phak	10^6đ	1.216.327	
-	Khối lượng đào đất	m3	1.010.867	
-	Khối lượng đào đá	m3	252.717	
-	Khối lượng bê tông	m3	40.951	
-	Khối lượng thi công cốt thép	tấn	3.276	
-	Đào và gia cố hầm	md	2.212	
2	Dự án Nhà máy thép Hòa Phát - GĐ2	10^6đ	113.301	
-	Khối lượng đào đất	m3	17.179	
-	Khối lượng bê tông	m3	37.343	
-	Khối lượng thi công cốt thép	tấn	5.465	
-	Khối lượng coppha	m2	27.609	
3	Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1	10^6đ	17.025	
4	Dự án Thủy điện Nam Sam 3	10^6đ	254	
5	Dự án Thủy điện Nam Ang - Khảo sát địa kỹ thuật giai đoạn 2-1	10^6đ	10.687	
6	Các dự án đã kết thúc dự kiến bị giảm trừ quyết toán	10^6đ	-5.294	
II	**Các dự án đã ký được hợp đồng năm 2024**	**10^6đ**	**297.686**	
1	Dự án đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	10^6đ	**297.686**	
-	Khối lượng đào đất	m3	131.230	
-	Khối lượng đào đá	m3	360.143	
-	Khối lượng bê tông	m3	18.379	
-	Khối lượng cốt thép	Tấn	1.557	
III	**Các dự án trong kế hoạch tiếp thị năm 2024**	**10^6đ**	**105.014**	
B	**Kinh doanh vật tư và cung cấp dịch vụ**	10^6đ	**50.000**	

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

P. KINH TẾ - KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Trần Văn Sùng

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Nguyễn Đắc Điệp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

PL04: BẢNG CÂN ĐỐI SẢN LƯỢNG DỞ DANG ĐẾN 31/12/2023

ĐVT: 10^3 đ

STT	Hạng mục công việc	Dở dang đầu kỳ 01/01/2023	Thực hiện trong kỳ	Thu vốn trong kỳ	Dở dang cuối kỳ 31/12/2023	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)-(5)	(7)
A	**Tổng cộng (1 -:- 3)**	**460.158.142**	**2.224.897.248**	**2.381.503.282**	**303.552.109**	
-	***Trong đó:***					
1	Xây lắp	460.158.142	1.828.568.566	1.985.174.599	303.552.109	
2	Kinh doanh vật tư và CCDV		276.971.629	276.971.629		
3	HĐTC và hoạt động khác		119.357.053	119.357.053		
B	**Chi tiết các công trình**					
I	**Phần xây lắp**					
1	Dự án Thủy điện Nam Phak	101.526.156	1.003.232.313	964.321.919	140.436.550	
2	Dự án Thủy điện Nậm E-Moun	55.081.008	32.649.157	85.202.712	2.527.454	
3	Dự án thép Hòa Phát Dung Quất	264.786.951	633.080.666	771.876.188	125.991.429	
3.1	Thi công hạ độ cao khu đồi Đông Lỗ 2	127.846.221	65.255.993	189.569.709	3.532.505	
3.2	*Thi công xây dựng nhà SVG1 và SVG2 - NMLT*	*3.122.826*	*124.392*	*3.247.218*		
3.3	*Hệ thống SẤY- ĐẬP - SÀNG QUẶNG - NMNL*	*15.272.142*	*4.268.785*	*19.540.927*		
3.4	*Thi công xây dựng cải tạo gian ủ xỉ và cắt mê thép – NM.VXM*	*652.374*	*41.880*	*694.254*		
3.5	*Thi công xây dựng lọc bụi lần 3 - NMLT*	*4.667.917*	*-116.429*	*4.551.488*		
3.6	*Thi công hạ độ cao khu hành chính mở rộng*	*79.463.911*	*150.582.553*	*169.884.227*	*60.162.238*	
3.7	*Thi công xúc và vận chuyển vật liệu xây dựng dư thừa ra ngoài khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2*	*19.213.720*	*124.164.659*	*130.334.824*	*13.043.555*	
3.8	*Thi công điều chỉnh tuyến ống DN800 và DN900 đoạn từ đường Bình Trị về khu liên hợp*	*5.256.978*	*9.682.032*	*12.730.696*	*2.208.314*	
3.9	*Thi công phá đá xử lý mái taluy giữa trạm xử lý nước trung tâm và nhà máy cán*	*9.049.362*	*3.002.700*	*4.521.267*	*7.530.796*	
3.10	*Thi công gói thầu 04.02 xây dựng kho 2#, 3# nhà máy nguyên liệu*	*241.499*	*179.567.491*	*156.626.753*	*23.182.237*	
3.11	*Thi công hạ đồi cao khu đồi Đông Lỗ 3*		*69.545.510*	*66.554.319*	*2.991.191*	
3.12	*Gói thầu khoan nổ mìn, phá đá dưới nước - Phạm vi luồng , vũng quay bến 6 cảng tổng hợp*		*13.620.507*	*13.620.507*		
3.13	*Thi công khoan nổ mìn khu vực đậu tàu bến 3, bến 4 - Cảng chuyên dụng*		*13.340.593*		*13.340.593*	

STT	Hạng mục công việc	Dở dang đầu kỳ 01/01/2023	Thực hiện trong kỳ	Thu vốn trong kỳ	Dở dang cuối kỳ 31/12/2023	Ghi chú
4	Dự án Hệ thống Thủy lợi Tân Mỹ - Ninh Thuận	1.310.977			1.310.977	
5	Dự án Điện gió Quảng Trị	-600.230			-600.230	
5.1	*Gói thầu đào móng Tubin và đường thi công điện gió Hoàng Hải - Quảng Trị*	*-18.000*			*-18.000*	
5.2	*Gói thầu thi công móng Tubin điện gió Hoàng Hải - Quảng Trị*	*-582.230*			*-582.230*	
6	Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1 - Khánh Hòa	9.877.394	156.754.891	156.575.008	10.057.278	
7	Dự án Thủy điện Nam Sam 3	3.503.708	10.711.408	13.184.686	1.030.429	
8	Dự án Nhà máy Bột - Giấy VNT 19	7.748.323	-1.873.956		5.874.367	
9	Dự án Thủy điện XeKaman 3	16.923.855			16.923.855	
10	Công trình Nhà Quốc Hội		-555.728	-555.728		
11	Công trình Thủy điện Hủa Na		-5.430.186	-5.430.186		
II	**Kinh doanh vật tư và cung cấp dịch vụ**		**276.971.629**	**276.971.629**		
III	**Hoạt động tài chính và hoạt động khác**		**119.357.053**	**119.357.053**		

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

P. KINH TẾ - KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Trần Văn Sùng

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100866857 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5 Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đắc Điệp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

PL05: BẢNG CÂN ĐỐI SẢN LƯỢNG DỞ DANG ĐẾN 31/12/2024

ĐVT: 10^3 đ

STT	Hạng mục công việc	Dở dang đầu kỳ 01/01/2024	Thực hiện trong kỳ	Thu vốn trong kỳ	Dở dang cuối kỳ 31/12/2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)-(5)	(7)
A	**TỔNG CỘNG**	**303.552.109**	**1.805.000.000**	**1.776.450.000**	**332.102.109**	
-	***Trong đó:***					
1	Xây lắp	303.552.109	1.755.000.000	1.726.450.000	332.102.109	
2	Kinh doanh vật tư và CCDV		25.000.000	25.000.000		
3	HĐTC và hoạt động khác		25.000.000	25.000.000		
B	**Chi tiết các công trình**					
I	**Phần xây lắp**					
1	Dự án Thủy điện Nam Phak	140.436.550	1.216.327.046	1.093.698.873	263.064.724	
2	Dự án Thủy điện Nâm E-Moun	2.527.454		2.527.454		
3	Dự án thép Hòa Phát Dung Quất	125.991.429	113.301.148	220.254.272	19.038.304	
3.1	*Thi công hạ độ cao khu đồi Đông Lỗ 2*	3.532.505		*3.532.505*		
3.2	*Thi công hạ độ cao khu hành chính mở rộng*	60.162.238		*60.162.238*		
3.3	*Thi công xúc và vận chuyển vật liệu xây dựng dư thừa ra ngoài khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2*	13.043.555	*914.457*	*13.958.012*		
3.4	*Thi công điều chỉnh tuyến ống DN800 và DN900 đoạn từ đường Bình Trị về khu liên hợp*	2.208.314	*2.542.688*	*4.751.002*		
3.5	*Thi công phá đá xử lý mái taluy giữa trạm xử lý nước trung tâm và nhà máy cán*	7.530.796		*7.530.796*		
3.6	*Thi công gói thầu 04.02 xây dựng kho 2#, 3# nhà máy nguyên liệu*	23.182.237	*105.047.051*	*109.190.984*	*19.038.304*	
3.7	*Thi công hạ đồi cao khu đồi Đông Lỗ 3*	2.991.191		*2.991.191*		
3.8	*Thi công khoan nổ mìn khu vực đậu tàu bến 3, bến 4 - Cảng chuyên dụng*	*13.340.593*	*4.796.952*	*18.137.545*		
4	Dự án Hệ thống Thủy lợi Tân Mỹ	1.310.977	-1.051.384	259.593		
5	Dự án Điện gió Quảng Trị	-600.230	-1.442.718	-2.042.948		
5.1	*Gói thầu đào móng Tubin và đường thi công điện gió Hoàng Hải - Quảng Trị*	*-18.000*	*-794.799*	*-812.799*		
5.2	*Gói thầu thi công móng Tubin điện gió Hoàng Hải - Quảng Trị*	*-582.230*	*-647.919*	*-1.230.149*		
6	Dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1	10.057.278	17.025.174	27.082.452		
7	Dự án Thủy điện Nam Sam 3	1.030.429	253.575	1.284.004		
8	Dự án Nhà máy Bột - Giấy VNT 19	5.874.367		5.874.367		
9	Dự án Thủy điện XeKaman 3	16.923.855		16.923.855		
10	Công trình Tuyên Quang		-2.800.000	-2.800.000		

STT	Hạng mục công việc	Dở dang đầu kỳ 01/01/2024	Thực hiện trong kỳ	Thu vốn trong kỳ	Dở dang cuối kỳ 31/12/2024	Ghi chú
11	Dự án đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu		297.685.717	297.685.717		
12	Dự án Thủy điện Nam Ang - Khảo sát địa kỹ thuật giai đoạn 2-1		10.687.440	10.687.440		
13	Dự án trong kế hoạch tiếp thị năm 2024		105.014.003	55.014.922	49.999.080	
II	**Kinh doanh vật tư và cung cấp dịch vụ**		**25.000.000**	**25.000.000**		
III	**Hoạt động tài chính và hoạt động khác**		**25.000.000**	**25.000.000**		

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

P. KINH TẾ - KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Trần Văn Sùng

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100886857 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đắc Diệp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

PL 06 :CHI TIẾT GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ NĂM 2024

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật chính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (trước thuế)	Thành tiền (trước thuế)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)	(8)
I	**Đầu tư xe máy thiết bị nâng cao năng lực thi công**					**18.697.749.860**	
I.1	**Phục vụ thi công Dự án Thủy điện NamPhak**					**17.438.649.860**	
1	Máy dải Asphalt XCMG RP063	Công suất rải 400T/H, tốc độ rải 20m/ph, chiều sâu lớp rải 350mm	Máy	1	3.842.592.593	3.842.592.593	
2	Xe ô tô bán tải	Xe oto bán tải 2 cầu	Xe	2	1.304.252.336	2.608.504.672	
3	Máy xúc đào bánh xích cần dài SK260LC-10 (gồm 1 bộ cần ngắn)	Tầm với ≥ 18m, gầu 0,4 ÷ 0,5m3	Máy	1	5.034.960.000	5.034.960.000	
4	Máy lu rung 2 bánh thép thi công Asphalt XCMG XD120	Trọng lượng 2,8 tấn; rộng 1,2m; lực rung 30/39 KN	Máy	4	518.518.519	2.074.074.076	
5	Máy xúc lật XCMG	Gầu 3,0m3	Máy	1	1.018.518.519	1.018.518.519	
6	Máy xúc đào bánh xích	Gầu 0,2 ÷ 0,3m3	Máy	1	1.400.000.000	1.400.000.000	
7	Máy lu rung	Trọng lượng 14÷16 tấn, lực rung 28÷32 tấn, công suất động cơ ≥100KW	Máy	1	905.000.000	905.000.000	
8	Xe ô tô tải ben	3,5 - 5 tấn, 2 cầu	Xe	1	555.000.000	555.000.000	
I.2	**Phục vụ thi công Dự án đường dây 500KV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu**					**1.259.100.000**	
1	Máy tời 5 tấn TTD5000 - Động cơ Honda	5 tấn TTD 5000 - Động cơ Honda	Máy	5	166.060.000	830.300.000	
2	Cụm bơm ép 100 tấn - 2 dây 5m	Bơm ép 100 tấn - 2 dây 5m	Cụm	4	107.200.000	428.800.000	
II	**Chi phí phát triển dự án Thủy điện**	**Công suất <100MW**	**Ls**	**1**	**17.665.886.504**	**17.665.886.504**	
III	**Tổng cộng giá trị trước thuế (I)+(II)**		**đồng**			**36.363.636.364**	
IV	**Thuế VAT (10% x III)**		**đồng**			**3.636.363.636**	
V	**Tổng cộng sau thuế (III)+(IV)**		**đồng**			**40.000.000.000**	

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2024

P. KINH TẾ - KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

Trần Văn Sùng

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0100886857-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5 Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Đắc Điệp